

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

2. Ông Nguyễn Văn Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.*

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 35/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1983; địa chỉ: Số x đường PBC, Tổ x1, Khu phố x2, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Tú M, sinh năm 1996; HKTT: Số x đường PBC, Tổ x1, Khu phố x2, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ liên hệ: Phòng x3, Hẻm x4, đường LHP, Khu x5, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L trình bày:

Ông Nguyễn Thanh L và bà Phạm Thị Tú M tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 2019 có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Trong cuộc sống giữa vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau và bất đồng ý kiến không hợp nhau nữa, hiện vợ chồng đã ly thân với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L yêu cầu Tòa án giải quyết để ly hôn với bà Phạm Thị Tú M. Về con chung: Ông Nguyễn Thanh L khai không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung:

Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thị Tú M: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án ban hành và tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo hòa giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các giấy triệu, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, các văn bản tố tụng khác nhưng bà M cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ Tòa án giải quyết vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa có ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì về phần thủ tục. Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L khởi kiện tranh chấp yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Phạm Thị Tú M. Bị đơn bà Phạm Thị Tú M có đăng ký thường trú tại số x đường PBC, Tổ x1, Khu phố x2, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Phạm Thị Tú M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

Ông Nguyễn Thanh L và bà Phạm Thị Tú M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2019 tại UBND phường P, thành phố M theo Giấy chứng nhận kết hôn số 112, ngày 19/12/2019 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Ông L yêu cầu được ly hôn với bà M vì cho rằng trong quá trình chung sống cuộc sống giữa vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau và bất đồng ý kiến không hợp nhau nữa, hiện vợ chồng đã ly thân với nhau. Căn cứ Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông L và bà M ngày 02/3/2021 tại địa phương thể hiện vợ chồng ông L và bà M đã ly thân với nhau. Nhận thấy, nội dung Biên bản xác minh phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn về việc vợ chồng đã không còn chung sống với nhau đồng thời thời gian xảy ra mâu thuẫn đã lâu và vợ chồng ông L, bà M đã ly thân và không có nguyện vọng hàn gắn, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn của ông L là có căn cứ chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Đối với lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 228, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 54, 56, 57, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh L đối với bà Phạm Thị Tú M về việc tranh chấp ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh L được ly hôn đối với bà Phạm Thị Tú M.

- Về con chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/000051029 ngày 29/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường P;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo